

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/DS-ST
Ngày: 16-04-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Ông Nguyễn Hữu Tĩnh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Thanh Lam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên toà:** Bà Lưu Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 51/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng S1); địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường X (địa chỉ cũ là phường V, quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tiến L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S1, chi nhánh N theo Quyết định số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15-04-2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S1.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1996; căn cước công dân số: 036096002532; chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro Ngân hàng S1.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1, sinh ngày 27-01-1987; căn cước công dân số: 036087000928; nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ là xóm Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định).

Tại phiên tòa: Ông Đặng Văn T có đơn xin vắng mặt. Ông Nguyễn Văn L1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Đặng Văn T trình bày:

Ngày 18-10-2022 ông Nguyễn Văn L1 có ký với Ngân hàng S1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng S1 đã phát hành cho ông Nguyễn Văn L1 thẻ tín dụng có số thẻ 436438, loại thẻ Visa Platinum Cashback, hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 29,8%/năm, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (chi tiết tại Điều 22 cách tính lãi của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); khách hàng phải chịu khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt (chi tiết tại Điều 24 các loại phí của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 298.615.000 đồng. Ông L1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 252.115.525 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L1 đã thanh toán trễ hạn thẻ tín dụng vào các kỳ tháng 03-2023, tháng 05-2023, tháng 07-2023, tháng 09-2023, tháng 10-2023, tháng 11-2023, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L1 vẫn không có thiện chí trả nợ của thẻ tín dụng. Do ông L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 05-12-2023 Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 64.943.684 đồng sang nợ quá hạn (chi tiết theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các yêu cầu của Ngân hàng S1 đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn L1 phải trả ngay cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tính đến hết ngày 16-04-2026 là 134.497.169 đồng, trong đó: Nợ gốc 64.943.684 đồng,

lãi quá hạn 69.553.485 đồng. Ông Nguyễn Văn L1 tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17-04-2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Ông Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc, không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1: Buộc ông Nguyễn Văn L1 phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tính đến hết ngày 16-04-2026 là 134.497.169 đồng, trong đó: Nợ gốc 64.943.684 đồng, lãi quá hạn 69.553.485 đồng. Ông Nguyễn Văn L1 tiếp tục có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 17-04-2026 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Ông Nguyễn Văn L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Nguyễn Văn L1. Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh với một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

1.2. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Văn L1 có đăng ký thường trú và cư trú tại địa chỉ: Xóm Đ, phường M, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ là xóm Đ, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định). Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt hợp các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn L1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2] Về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S1 với ông Nguyễn Văn L1.

2.1. Về việc giao kết hợp đồng tín dụng:

Ngày 19-10-2022 ông Nguyễn Văn L1 đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng S1. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng có các nội dung cụ thể về hạn mức cấp tín dụng là 60.000.000 đồng, thông tin loại thẻ tín dụng đăng ký, thông tin cá nhân chủ thẻ chính, thông tin tài chính, đăng ký dịch vụ thanh toán tự động, phê duyệt hạn mức tín dụng của ngân hàng, cam kết của khách hàng... Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng có chữ ký của chủ thẻ chính là ông Nguyễn Văn L1, được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S1 phê duyệt, ký tên và đóng dấu. Xét thấy về hình thức và nội dung các điều khoản của Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 400, Điều 401, Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18-10-2022 của ông Nguyễn Văn L1 là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

2.2. Về quá trình sử dụng thẻ tín dụng:

Ngân hàng S1 đã phát hành cho ông Nguyễn Văn L1 thẻ tín dụng có số thẻ 436438, loại thẻ Visa Platinum Cashback, hạn mức tín dụng là 60.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 29,8%/năm, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm

khác nhau (chi tiết tại Điều 22 cách tính lãi của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); khách hàng phải chịu khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt (chi tiết tại Điều 24 các loại phí của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 298.615.000 đồng. Ông L1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 252.115.525 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L1 đã thanh toán trễ hạn thẻ tín dụng vào các kỳ tháng 03-2023, tháng 05-2023, tháng 07-2023, tháng 09-2023, tháng 10-2023, tháng 11-2023, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L1 vẫn không có thiện chí trả nợ của thẻ tín dụng. Như vậy ông Nguyễn Văn L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1:

Do ông L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm ngày 05-12-2023 sang nợ quá hạn với tổng số tiền tại thời điểm quá hạn là 64.943.684 đồng (chi tiết theo Điều 13, Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc ông Nguyễn Văn L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 18-10-2022 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1: Buộc ông Nguyễn Văn L1 phải trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 16-04-2026 là 134.497.169 đồng, trong đó: Nợ gốc 64.943.684 đồng, lãi quá hạn 69.553.485 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng S1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng S1 đã nộp là 2.790.000 đồng sẽ được trả lại.

Ông Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là: $134.497.169 \text{ đồng} \times 5\% = 6.724.858 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 385; Điều 398; Điều 400; Điều 401; Điều 405; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc ông Nguyễn Văn L1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến hết ngày 16-04-2026 tổng cộng là 134.497.169 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm chín bảy nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc 64.943.684 đồng (Sáu mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi tư đồng); nợ lãi quá hạn 69.553.485 đồng (Sáu mươi chín triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 2.790.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số ngày 0003355 ngày 03-12-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Nguyễn Văn L1 phải nộp số tiền 6.724.858 đồng (Sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Nguyễn Văn L1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lương Việt Bằng